

TAND HUYỆN TỆU HOÁ

TỈNH THANH HOÁ

Bản án số:02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25/01/2019

V/v: Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỆU HOÁ, TỈNH THANH HOÁ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hà

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Dũng Tấn và ông Lê Minh Nhân

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu, Thư ký tòa án nhân dân Tệu Hoá

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 mở phiên toà tại trụ sở Tòa án để xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số 158/2018/HNGĐ-TLST ngày 26 tháng 10 năm 2018. Về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử Số 01/2019/QĐST/DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn 3, xã Thiệu V, huyện Tệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn 3, xã Thiệu V, huyện Tệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 27 tháng 9 năm 2018, bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2018 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 12 năm 2015 tại ủy ban nhân dân xã Tệu Viên, huyện Tệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, sống Tệu hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể chung sống với nhau được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung với nhau, cháu là Nguyễn Bích Lam sinh ngày 05/7/2016. Ly hôn Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, Yêu cầu anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung cùng Chị mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 12 năm 2015 tại ủy ban nhân dân xã xã Tệu Viên, huyện Tệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa như chị T trình bày là đúng.

Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống trong tình cảm cũng như kinh tế.. Trong cuộc Tệu sự quan tâm nhau, về kinh tế chị T không trung thực trong vấn đề tài chính gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị T làm đơn xin ly hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đòi sống chung không có hạnh phúc, nên anh T cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung với nhau, cháu là Nguyễn Bích Lam sinh ngày 05/7/2016. Vợ chồng ly hôn anh T cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Bích Lam không cần chị T phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung cùng anh, nếu chị T trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng như chị T yêu cầu.

Về tài sản: Anh T khai báo

Hiện vợ chồng có một xe máy Lead hiệu Honda biển kiểm soát 36B5 – 35081 trị giá chiếc xe 37.000.000đ hiện nay chị T đang quản lý sử dụng.

01 sổ tiết kiệm của vợ chồng gửi tại Quỹ tín dụng xã Tệu Viên số tiền là 80.000.000đ. Sổ tiết kiệm hiện nay chị T đang quản lý.

Ngoài ra vợ chồng còn cho chị gái chị T là chị Nguyễn Thị Liên trú tại: Thôn 1, xã Tệu Viên, huyện Tệu Hóa vay số tiền là 10.000.000đ

Anh T đề nghị Tòa án chia đôi khối tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa anh T rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng không đề nghị tòa án giải quyết.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau, trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ.

Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính

tình, bất đồng quan điểm sống, nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra va chạm và xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Do không còn tình cảm với nhau nên anh T, chị T không còn quan tâm nhau nữa đã ly thân mỗi người sống một nơi.

Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được cả hai anh, chị cùng đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung giữa anh, chị không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh, chị cùng đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, vì vậy áp dụng Điều 55 luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án cả hai anh, chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nguyện vọng của hai anh, chị hoàn toàn chính đáng, song cháu Nguyễn Bích Lam còn quá nhỏ nhất Tết cần được sự chăm sóc của người mẹ, do vậy giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Nguyễn Văn T từ chối không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái do đó cần buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ. cho đến khi cháu 18 tuổi như yêu cầu của chị T là phù hợp.

Về tài sản:

Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147, điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và Lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. điểm 1.1, tiểu mục 1, Mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bích Lam sinh ngày 05/7/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành, anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ, cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu Bích Lam đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom con chăm sóc con chung, chị Nguyễn Thị T không được cản trở ngăn cấm.

Về tài sản: Chị T, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Theo biên lai số AA/2017/0005354 Ngày 26 tháng 10 năm 2018 Tại chi cục T hành án dân sự huyện Tệu Hoá được chuyển thành án phí.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được T hành theo điều 2 luật T hành án dân sự người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận việc T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo điều 6, 7, 9 Luật T hành án dân sự, thời hiệu là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo điều 30 Luật T hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Tuyên bố cho bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- VKS Tệu Hoá
- VKS tỉnh Thanh Hoá
- Các đương sự
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- T hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hà

